

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 08-4-2022

V/v “ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Ngọc Phượng.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Vân;

Ông Mai Trần Phúc.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đàm Nguyên Phượng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Cẩm Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 452/2021/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2021 về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Số 23, Tổ 4A, ấp B, xã T, huyện Châu T, tỉnh Tây Ninh.

**2. Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Số 23, Tổ 4A, ấp B, xã T, huyện Châu T, tỉnh Tây Ninh.

Ông B có đơn vắng mặt; bà H vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 22/11/2021 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – ông Nguyễn Văn B trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị Thu H chung sống với nhau vào năm 2004 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thái Bình, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh vào ngày 18/06/2004. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc, nhưng đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Bà H bỏ nhà

đi từ năm 2018 và vợ chồng sống ly thân cho đến hiện tại. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, ông yêu cầu được ly hôn với bà H.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung tên Nguyễn Trung H, sinh năm 2003. Con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ ai.

*Bị đơn – bà Nguyễn Thị Thu H:* Tòa án đã triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng bà H không đến, không có lý do và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của ông B, nên không có ý kiến trình bày.

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:*

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Văn B với bà Nguyễn Thị Thu H. Về con chung: Có một con chung tên Nguyễn Trung H, sinh ngày 10/9/2003, hiện đã trưởng thành ông B không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết. Về nợ chung: Đương sự khai không có nên không đặt ra để giải quyết. Về án phí: Ông B phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:*

\* Về tố tụng:

[1] Căn cứ đơn khởi kiện cùng các tài liệu chứng cứ kèm theo của nguyên đơn có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn cư trú tại ấp Bình Phong, xã Thái Bình, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

[3] Ông Nguyễn Văn B có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bà Nguyễn Thị Thu H đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng và trở ngại khách quan. Căn cứ vào quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông B và bà H.

\* Về nội dung:

[1] Về hôn nhân: Ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị Thu H chung sống với nhau vào năm 2004 là hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thái Bình, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh vào ngày 18/6/2004. Nên hôn nhân giữa ông B và bà H là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[2] Xét thấy: Sau khi kết hôn ông B và bà H chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng theo ông B trình bày là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và thường xuyên cãi vã nhau. Bà H bỏ nhà đi từ năm 2018 và vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Phía bà H, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà H, nhưng bà H không đến Tòa án và cũng không có ý kiến B văn bản gửi Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của ông B nên không có ý kiến trình bày.

[3] Thấy rằng: Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì: “Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình...”. Hội đồng xét xử nhận thấy, ông B và bà H ly thân nhau thời gian đã lâu, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông B đối với bà H.

[4] Về con chung: Ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị Thu H có một con chung tên Nguyễn Trung H, sinh năm 2003. Con chung đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Ông Nguyễn Văn B trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh tại phiên tòa, xét thấy: Đây là đề nghị có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Ông Nguyễn Văn B phải chịu theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị Thu H.

2. Về con chung: Ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị Thu H có một con chung tên Nguyễn Trung H, sinh năm 2003. Con chung đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung: Ông Nguyễn Văn B trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Ông Nguyễn Văn B thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí theo quy định của pháp luật.

Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- P.KTNV – TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THA.DS huyện Châu Thành;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Ngọc Phượng**